

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 1344/QĐ-ĐHKTQD ngày 26 tháng 7 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân)

CHƯƠNG TRÌNH/PROGRAMME:	CỬ NHÂN QUẢN TRỊ NHÂN LỰC/ BACHELOR OF HUMAN RESOURCE MANAGEMENT
TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO/LEVEL OF EDUCATION:	ĐẠI HỌC/UNDERGRADUATE
NGÀNH ĐÀO TẠO/MAJOR:	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC (HUMAN RESOURCE MANAGEMENT)
MÃ NGÀNH/CODE:	7340404
HÌNH THỨC ĐÀO TẠO/TYPE OF EDUCATION:	CHÍNH QUY/FULL - TIME
NGÔN NGỮ ĐÀO TẠO/LANGUAGE	TIẾNG VIỆT/VIETNAMESE

1. MỤC TIÊU

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Quản trị nhân lực có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp và sức khỏe tốt; nắm vững kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh; có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về quản trị nhân lực; có năng lực nghiên cứu tự bổ sung kiến thức theo yêu cầu của công việc.

1.2. Mục tiêu cụ thể

- Về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm:

CTĐT trình độ đại học ngành Quản trị nhân lực hướng tới mục tiêu đào tạo cử nhân Quản trị nhân lực:

PG1: Có kiến thức cơ bản về kinh tế, quản trị kinh doanh; có kiến thức hệ thống, hiện đại, chuyên sâu về mối quan hệ giữa con người, công việc, tổ chức; các thực tiễn, lý thuyết, quy trình và xu hướng quản trị nguồn nhân lực, và vận dụng tích hợp các kiến thức này để xây dựng, đánh giá, tổ chức thực hiện các hoạt động quản trị nhân lực; đề xuất các phương án giải quyết các vấn đề về nguồn nhân lực và cải thiện các hoạt động quản trị nguồn nhân lực của mọi loại tổ chức trong bối cảnh toàn cầu hóa và cách mạng công nghiệp 4.0.

PG2: Thực hành tốt kỹ năng chuyên môn nghề nghiệp quản trị nguồn nhân lực, năng lực nghiên cứu, phản biện, phân tích, trình bày và giải quyết các vấn đề trong quản

trị nguồn nhân lực; kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm; kỹ năng sử dụng các kỹ thuật phân tích định tính và định lượng để phân tích, diễn giải các dữ liệu; sử dụng thành thạo tin học văn phòng và hiểu biết về phần mềm chuyên dùng trong quản trị nguồn nhân lực.

PG3: Chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật nhà nước; tuân thủ kỷ luật lao động, có tác phong chuyên nghiệp, có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp, hợp tác, tin cậy và chủ động trong công việc; có năng lực dẫn dắt về chuyên môn quản trị nhân lực và có năng lực tự học tập để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

- Vị trí và nơi làm việc sau khi tốt nghiệp:

Cử nhân Quản trị nhân lực có thể làm việc tại các tập đoàn, tổng công ty, doanh nghiệp, cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức xã hội, tổ chức tài chính - ngân hàng, quỹ đầu tư... với chức danh như chuyên viên tuyển dụng, chuyên viên đào tạo, chuyên viên tiền lương và phúc lợi, chuyên viên quản lý nhân sự, chuyên viên tổ chức bộ máy, chuyên viên quan hệ lao động.

Cử nhân ngành Quản trị nhân lực, sau khi tích lũy kinh nghiệm, có khả năng trở thành giám đốc quản lý nhân sự; giám đốc/trưởng các bộ phận thực hiện chức năng quản trị nhân lực (giám đốc đào tạo, giám đốc tuyển dụng...); chuyên gia tư vấn trong lĩnh vực quản trị nhân lực tại các công ty tư vấn, dự án tư vấn trong lĩnh vực quản trị nguồn nhân lực.

Cử nhân ngành Quản trị nhân lực, nếu tiếp tục được đào tạo ở trình độ sau đại học, thì có thể trở thành giảng viên, cán bộ nghiên cứu trong các viện nghiên cứu, các cơ sở đào tạo về kinh tế và quản trị kinh doanh, quản trị nhân lực.

- Trình độ ngoại ngữ và tin học: đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ và tin học theo quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

2. CHUẨN ĐẦU RA

CĐR	Mô tả	Mã CDR
Chuẩn đầu ra về kiến thức	Hiểu biết toàn diện về mối quan hệ giữa hệ thống tổ chức (nguyên lý hoạt động, các chức năng kinh doanh chính), con người và công việc; môi trường vĩ mô, môi trường kinh doanh trong nước và quốc tế; các lý thuyết, thực tiễn và xu hướng quản trị nguồn nhân lực và mối quan hệ giữa các bên liên quan trong tổ chức; vận dụng những hiểu biết này để phân tích, lý giải về các vấn đề thực tiễn liên quan đến nguồn nhân lực và quản trị nguồn nhân lực trong tổ chức	CĐR 1
	Hiểu biết về các nguyên tắc, quy trình xây dựng chiến lược, kế hoạch nguồn nhân lực, hệ thống quản trị nguồn nhân lực và cách thức tổ chức thực hiện các hoạt động	CĐR 2

CDR	Mô tả	Mã CDR
	thuộc chức năng quản trị nhân lực gắn với chiến lược và mục tiêu của tổ chức, phù hợp với môi trường của tổ chức	
	Vận dụng hiểu biết về khoa học hành vi, lý thuyết, thực tiễn, mô hình quản trị nhân lực; công cụ phân tích nguồn nhân lực để thiết kế hệ thống quản trị nguồn nhân lực cho tổ chức; đánh giá hiệu quả của các hoạt động quản trị nhân lực và đề xuất giải pháp cải thiện hoạt động quản trị nguồn nhân lực trong tổ chức, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ chức.	CDR 3
Chuẩn đầu ra về kỹ năng	Thiết kế hệ thống, quy trình, chính sách quản trị nhân lực của tổ chức đảm bảo phù hợp với môi trường bên trong và bên ngoài của tổ chức	CDR 4
	Sử dụng các kỹ thuật công nghệ, và các kỹ thuật phân tích định tính và định lượng, sử dụng các phần mềm phục vụ cho phân tích dữ liệu về nguồn nhân lực, dữ liệu về môi trường kinh doanh, dữ liệu về kinh tế, kinh doanh và các hoạt động quản trị nhân lực của tổ chức	CDR 5
	Có khả năng nghiên cứu, làm việc độc lập và làm việc theo nhóm hiệu quả; có kỹ năng giao tiếp bằng văn bản và bằng lời hiệu quả, viết báo cáo và thuyết trình các vấn đề lý thuyết và thực tiễn hiệu quả	CDR 6
	Vận dụng những kiến thức cơ bản về giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng để tự rèn luyện thể chất, đảm bảo đủ sức khỏe để học tập và làm việc	CDR 7
CDR Tin học	Chuẩn đầu ra tin học (chứng chỉ tin học quốc tế MOS/IC3/ICLD) theo Quyết định số 785/QĐ-ĐHKTQD ngày 21/4/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.	CDR 8
CDR Ngoại ngữ	Chuẩn đầu ra ngoại ngữ (chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS 5.5 và tương đương) theo Quyết định số 785/QĐ-ĐHKTQD ngày 21/4/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.	CDR 9
Chuẩn đầu ra về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm	Hiểu biết về pháp luật, các quy tắc đạo đức và có khả năng vận dụng linh hoạt trong cuộc sống cũng như trong công việc; tuân thủ các quy định của tổ chức và kỷ luật lao động; có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp	CDR 10
	Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn thuộc lĩnh vực chuyên sâu của quản trị nguồn nhân lực; có khả năng tự định hướng và thích nghi với các môi trường làm việc đa dạng	CDR 11
	Có năng lực tự học tập, nghiên cứu để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ	CDR 12

3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 126 tín chỉ

4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH: Theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh đại học hệ chính quy của Trường Đại học Kinh tế quốc dân.

5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP: Theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân về đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

6. CÁCH THỨC ĐÁNH GIÁ: Theo thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ

7. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

7.1. Cấu trúc cơ bản

Bảng 1. Các khối kiến thức trong CTĐT

Kiến thức	Số TC	Ghi chú
1. Kiến thức giáo dục đại cương	44	
1.1. Các học phần chung	20	Khoa học chính trị và Ngoại ngữ
1.2. Các học phần của Trường	12	04 học phần chung của Trường
1.3. Các học phần của ngành	12	04 học phần chung của lĩnh vực
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	82	
<i>2.1. Kiến thức cơ sở ngành</i>	12	04 HP chung của nhóm ngành
<i>2.2. Kiến thức ngành</i>	42	
2.2.1. Các học phần bắt buộc	27	
2.2.2. Các học phần tự chọn	15	SV tự chọn 15 tín chỉ (5 học phần)
<i>2.3. Kiến thức chuyên sâu</i>	18	SV tự chọn 18 tín chỉ (6 học phần)
<i>2.4. Khóa luận tốt nghiệp</i>	10	
TỔNG SỐ	126	Không kể GDQP & AN và GDTC

7.2. Nội dung chương trình và kế hoạch giảng dạy

- Nội dung cần đạt được, khối lượng kiến thức (Lý thuyết/Thảo luận/Thực hành/Tự học) của từng học phần trong chương trình được mô tả ở đề cương chi tiết mỗi học phần.

- Nội dung chương trình và kế hoạch giảng dạy (dự kiến 04 năm/08 học kỳ, mỗi học kỳ 12-18 tín chỉ) được mô tả theo bảng dưới đây:

Bảng 2. Nội dung chương trình và kế hoạch giảng dạy

TT	Nội dung chương trình đào tạo (Ngành Quản trị nhân lực)		MÃ HP/BM	SỐ TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết
	1.KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG			44		
	1.1. Các học phần chung			20		
1	1	Triết học Mác - Lê Nin Marxist-Leninist Philosophy	LLNL1105	3	I	
2	2	Kinh tế Chính trị Mác - Lê Nin Political Economics of Marxism and Leninism	LLNL1106	2	II	
3	3	Chủ nghĩa Xã hội Khoa học Scientific Socialism	LLNL1107	2	II	
4	4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam Communist Party History	LLDL1102	2	III	
5	5	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh Ideology	LLTT1101	2	III	
6	6	Ngoại ngữ Foreign Language	NNKC	9	I, II, III	
		Giáo dục thể chất Physical Education	GDTC	4		
		Giáo dục Quốc phòng và An ninh Military Education	GDQP	8-11		
	1.2. Các học phần của Trường			12		
7	1	Kinh tế vi mô 1 Microeconomics 1	KHMI1101	3	I	
8	2	Kinh tế vĩ mô 1 Macroeconomics 1	KHMA1101	3	II	
9	3	Pháp luật đại cương Fundamentals of Laws	LUCS1129	3	I	
10	4	Toán cho các nhà kinh tế Mathematics for Economics	TOCB1110	3	I	
	1.3. Các học phần của ngành			12		
11	1	Thống kê trong kinh tế và kinh doanh Statistics in Economics and Business	TKKD1129	3	II	
12	2	Quản lý học 1 Management 1	QLKT1101	3	I	
13	3	Nguyên lý kế toán Accounting Principles	KTKE1101	3	III	
14	4	Hệ thống thông tin quản lý Management Information System	TIHT1102	3	II	
	2. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP			82		
	2.1. Kiến thức cơ sở ngành			12		

TT	Nội dung chương trình đào tạo (Ngành Quản trị nhân lực)		MÃ HP/BM	SỐ TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết
15	1	Kinh tế nguồn nhân lực Human Resource Economics	NLKT1117	3	IV	
16	2	Kinh tế đầu tư Investment Economics	DTKT1154	3	IV	
17	3	Quản lý nhà nước trong nền kinh tế thị trường Economic Management in Market Economy	QLKT1112	3	II	
18	4	Quản trị các nguồn lực thông tin Information Resources Management	TIKT1137	3	IV	
	2.2 Kiến thức ngành			42		
	2.2.1 Các học phần bắt buộc			27		
19	3	Quản trị nhân lực Human Resource Management	NLQT1103	3	IV	
20	4	Hành vi tổ chức Organizational Behavior	NLQT1101	3	III	QLKT1101
21	1	Quản trị nhân lực chiến lược Strategic Human Resource Management	NLQT1111	3	VI	
22	2	Quản trị nhân lực quốc tế International Human Resource Management	NLQT1112	3	VI	
23	3	Phân tích và quản lý thực hiện công việc Job Analysis and Performance Management	NLQT1110	3	V	NLQT1103
24	5	Quản trị thù lao lao động Compensation Management	NLQT1119	3	VII	NLQT1103
25	6	Tổ chức và định mức lao động 1 Labour Organization and Standardization 1	NLQT1115	3	IV	
26	7	Tổ chức và định mức lao động 2 Labour Organization and Standardization 2	NLQT1116	3	V	NLQT1115
27	9	Đề án môn học - Quản trị nhân lực Essay on Human Resource Management	NLQT1122	3	VI	
	2.2.2 Các học phần tự chọn (SV tự chọn 05 học phần trong tổ hợp)			15		
28	1	Luật lao động Labour Law	LUKD1108	3	II	
29	2	Tâm lý học lao động Labour Psychology	NLXH1101	3	IV	
30	3	Dân số và Phát triển Population and Development	NLDS1103	3	IV	
31	4	Kinh doanh quốc tế International Business	TMKD1128	3	IV	
32						

TT	Nội dung chương trình đào tạo (Ngành Quản trị nhân lực)		MÃ HP/BM	SỐ TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết
	5	Quản trị chiến lược Strategic Management	QTKD1132	3	V	
	6	Marketing căn bản Principles of Marketing	MKMA1104	3	III	
	7	Phân tích kinh doanh Business Analysis	KTQT1107	3	VI	
	8	Tài chính doanh nghiệp Corporate Finance	NHTC1120	3	VI	
	2.3 Kiến thức chuyên sâu (SV tự chọn 06 học phần trong tổ hợp)			18		
33 34 35 36 37 38	1	Tuyển dụng nhân lực Human Resource Acquisition	NLQT1117	3	V	
	2	Quan hệ lao động Industrial Relation/Labour Relation	NLKT1109	3	V	LUKD1108
	3	Chuyên đề Quản trị nhân lực Human Resource Management Special Study	NLQT1107	3	VII	NLQT1103
	4	Phát triển nguồn nhân lực Human Resource Development	NLKT1106	3	VII	NLQT1103
	5	Quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp Occupational Health and Safety Management	NLKT1118	3	VI	
	6	Quản trị điều hành dự án Project Execution Management (PEM)	QTKD1118	3	VI	
	7	Hệ thống thông tin nguồn nhân lực Human Resource Information System	NLQT1123	3	VII	
	8	Quản trị tác nghiệp Operations Management	QTKD1135	3	VI	
39	Khóa luận tốt nghiệp <i>Graduation Thesis</i>		NLQT1124	10	VIII	
	Tổng số tín chỉ			126		

8. Hướng dẫn thực hiện

➤ Kế hoạch đào tạo chuẩn của chương trình đào tạo là 04 năm, mỗi năm có 02 hoặc 03 học kỳ chính và 01 học kỳ phụ, phương thức tổ chức đào tạo theo tín chỉ.

➤ Sinh viên nhập học được đăng ký học mặc định trong học kỳ 1, các học kỳ sau sinh viên tự đăng ký học theo kế hoạch giảng dạy của trường. Các học phần được sắp xếp linh hoạt theo từng học kỳ, sinh viên có thể đăng ký học trước hoặc sau các học phần, không bắt buộc theo trình tự của kế hoạch dự kiến nếu đáp ứng các điều kiện của học phần đăng ký.

- Sinh viên có thể học vượt để tốt nghiệp sớm so với kế hoạch đào tạo chuẩn hoặc tốt nghiệp muộn nhưng không quá thời gian đào tạo tối đa theo quy định.
- Nội dung cần đạt được của từng học phần được mô tả trong đề cương chi tiết học phần.
- Khối lượng kiến thức (Lý thuyết/Thảo luận/Thực hành/Tự học) và cách đánh giá học phần được quy định trong đề cương chi tiết mỗi học phần.
- Điều kiện tốt nghiệp: sinh viên tích lũy đủ khối lượng kiến thức của CTĐT, đạt chuẩn đầu ra Tin học và Ngoại ngữ, có chứng chỉ GDQP và AN, hoàn thành các học phần GDTC và các quy định khác của trường.

TRƯỞNG KHOA

HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Vũ Hoàng Ngân

PGS.TS Phạm Hồng Chương